BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2013/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013*

THÔNG TƯ
Giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư Giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán có tổ chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các chủ thể giám sát và đối tượng giám sát dưới đây:

1. Chủ thể giám sát:

a) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là UBCKNN);

b) Sở Giao dịch Chứng khoán (sau đây viết tắt là SGDCK).

2. Đối tượng giám sát là các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình giao dịch, cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán, bao gồm:

a) Tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;

b) Công ty chứng khoán (sau đây viết tắt là CTCK); Thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là TTLKCK);

c) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;

d) SGDCK, TTLKCK khi tham gia cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán;

đ) Các đối tượng liên quan (Ngân hàng giám sát, Ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ mở tài khoản tiền gửi đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch* là công ty đại chúng có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK.

2. *Giao dịch chứng khoán* là việc mua, bán các chứng khoán được niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức.

3. *Giao dịch nội bộ* là giao dịch chứng khoán có sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán cho chính mình hoặc cho người khác.

4. *Giao dịch thao túng* là việc một hay nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện hoặc thông đồng với nhau thực hiện một cách trực tiếp hay gián tiếp việc đặt lệnh, giao dịch hoặc công bố, phát tán thông tin nhằm tạo cung, cầu, tính thanh khoản, diễn biến giá giả tạo đối với một hoặc nhiều loại chứng khoán.

5. *Giao dịch bất thường* là các giao dịch rơi vào các tiêu chí cảnh báo bất thường do SGDCK quy định.

6. *Tiêu chí cảnh báo bất thường* là hệ thống tiêu chí giám sát để xác định chứng khoán có giao dịch bất thường do SGDCK xây dựng và áp dụng để thực hiện công tác giám sát giao dịch sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

7. *Tin đồn* là thông tin của một nhóm người, của một cá nhân về một vấn đề liên quan đến các chứng khoán hoặc giao dịch chứng khoán diễn ra trên thị trường chứng khoán có thể có thực hoặc không có thực, nhưng thời điểm phát ra tin đồn chưa có căn cứ để kiểm chứng.

Chương II
TỔ CHỨC CÔNG TÁC GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Mục 1
GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của UBCKNN

1. Trách nhiệm

a) UBCKNN giám sát hoạt động giao dịch chứng khoán, hoạt động cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán có tổ chức đối với các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư này;

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch giám sát giao dịch chứng khoán hàng năm;

c) Phát hiện các hoạt động thao túng thị trường, giao dịch nội bộ và các hành vi vi phạm quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán liên quan đến hoạt động giao dịch;

d) Giám sát các nhà đầu tư trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán, công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán;

đ) Kịp thời có các cảnh báo phù hợp đối với các giao dịch và các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhằm ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật trong giao dịch chứng khoán của các đối tượng giám sát;

e) Tổng hợp các báo cáo giám sát giao dịch chứng khoán của SGDCK và trên cơ sở đó yêu cầu SGDCK phối hợp để kịp thời phát hiện, phân tích, đánh giá và tiến hành kiểm tra, xử lý khi cần thiết đối với các đối tượng liên quan đến các giao dịch chứng khoán bất thường theo quy định của pháp luật;

g) Công bố các quyết định xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến các giao dịch chứng khoán trên trang thông tin điện tử của UBCKNN;

h) Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính, UBCKNN báo cáo Bộ Tài chính về kết quả thực hiện công tác giám sát giao dịch chứng khoán.

2. Quyền hạn

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về giám sát giao dịch chứng khoán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Ban hành quy định về nội dung, phương thức và quy trình giám sát giao dịch chứng khoán của UBCKNN; Ban hành quy chế phối hợp trong công tác giám sát giao dịch chứng khoán giữa UBCKNN, SGDCK và TTLKCK; Phê duyệt hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch do các SGDCK xây dựng;

c) Yêu cầu các đối tượng giám sát báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch chứng khoán trong triển khai nhiệm vụ giám sát;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao dịch chứng khoán và cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán.

Điều 5. Nội dung giám sát của UBCKNN

Nội dung giám sát của UBCKNN bao gồm:

1. Trên cơ sở báo cáo giám sát giao dịch của SGDCK và các nguồn thông tin khác, phân tích sâu để phát hiện các giao dịch thao túng thị trường, các giao dịch sử dụng thông tin nội bộ và các hành vi vi phạm quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

2. Giám sát hoạt động của SGDCK trong việc giám sát các giao dịch chứng khoán diễn ra trên thị trường chứng khoán có tổ chức thuộc phạm vi quản lý của SGDCK theo quy định tại Mục 2 Thông tư này.

3. Giám sát hoạt động của TTLKCK trong thực hiện sửa và hủy lỗi sau giao dịch, chuyển quyền sở hữu của chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch không qua hệ thống giao dịch của SGDCK theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

4. Giám sát hoạt động của CTCK trong việc giao dịch và cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

5. Giám sát giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư có tổ chức, nhà đầu tư nước ngoài để kịp thời phát hiện các diễn biến bất thường có thể gây hiệu ứng tâm lý cho các nhà đầu tư nhỏ lẻ.

6. Giám sát việc cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán của các đối tượng quy định tại Khoản 2 (từ điểm b đến điểm đ) Điều 2 Thông tư này.

Điều 6. Phương thức giám sát giao dịch chứng khoán của UBCKNN

1. Thông qua dữ liệu giao dịch do SGDCK cung cấp thực hiện phân tích, đánh giá, xử lý theo quy định đối với các giao dịch chứng khoán có dấu hiệu bất thường.

2. Giám sát giao dịch chứng khoán dựa trên thông tin từ các nguồn:

a) Báo cáo giám sát giao dịch chứng khoán của SGDCK;

b) Báo cáo của các công ty đại chúng, CTCK, TTLKCK;

c) Báo cáo của các tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;

d) Báo cáo, phản ánh của các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán;

đ) Các nguồn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, tin đồn;

e) Các nguồn thông tin khác.

3. Kiểm tra bất thường đối với các đối tượng giám sát thông qua việc phát hiện các dấu hiệu giao dịch bất thường, theo báo cáo của SGDCK và của các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch và cung cấp các dịch vụ giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

Mục 2
GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của SGDCK

1. Trách nhiệm

a) Giám sát hoạt động giao dịch, cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán trong phạm vi thị trường giao dịch chứng khoán do SGDCK tổ chức theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức bộ máy giám sát phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; Ban hành các quy chế, quy định, quy trình giám sát để đảm bảo thực hiện công tác giám sát một cách có hiệu quả;

c) Giám sát diễn biến các giao dịch trong ngày, nhiều ngày, định kỳ; Phân tích, đánh giá và chịu trách nhiệm xác định rõ dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với các giao dịch bất thường nhằm kịp thời phát hiện các giao dịch có dấu hiệu thao túng thị trường, giao dịch nội bộ và các hành vi vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 8 Thông tư này; Xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền, báo cáo UBCKNN xử lý theo quy định pháp luật;

d) Giám sát việc công bố thông tin và chế độ báo cáo theo quy định hiện hành liên quan đến giao dịch chứng khoán của CTCK, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư;

đ) Rà soát các thông tin báo chí, tin đồn liên quan đến các giao dịch bất thường;

e) Lập và gửi UBCKNN báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường và báo cáo theo yêu cầu về giám sát giao dịch chứng khoán của các đối tượng giám sát;

g) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát, bao gồm các nội dung quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Quyền hạn

a) Ban hành hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán trên SGDCK theo quy định tại Điều 9 Thông tư này sau khi được UBCKNN chấp thuận;

b) Kiểm tra theo ủy quyền của UBCKNN, xử lý theo thẩm quyền đối với thành viên giao dịch vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán, kiến nghị UBCKNN xử lý các hành vi giao dịch chứng khoán vi phạm quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu thành viên giao dịch, các tổ chức, cá nhân có liên quan giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch chứng khoán phục vụ việc giám sát.

Điều 8. Nội dung giám sát giao dịch chứng khoán của SGDCK

1. SGDCK thực hiện giám sát nhằm ngăn ngừa, phát hiện các giao dịch và hành vi vi phạm pháp luật về giao dịch chứng khoán, bao gồm:

a) Các hành vi sử dụng thông tin nội bộ để giao dịch chứng khoán;

b) Các giao dịch thao túng thị trường;

c) Các hành vi vi phạm khác về giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2. Giám sát việc giao dịch và công bố thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán được niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK của các tổ chức niêm yết chứng khoán, tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán, CTCK, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán, cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng, cổ đông nội bộ, nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng và người có liên quan, người được ủy quyền công bố thông tin và nhà đầu tư cá nhân theo đúng quy định hiện hành.

Điều 9. Tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán

1. SGDCK xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán trên SGDCK để làm cơ sở tiến hành giám sát giao dịch trong ngày và nhiều ngày sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. Nội dung và các tham số cụ thể trong hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán phải được quy định và điều chỉnh trong từng thời kỳ cho phù hợp với tình hình giao dịch trên thị trường chứng khoán và đảm bảo công tác giám sát giao dịch chứng khoán có hiệu quả.

Điều 10. Phương thức giám sát giao dịch chứng khoán của SGDCK

1. Giám sát trực tuyến trên hệ thống giám sát của SGDCK các giao dịch trong ngày của chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch để phát hiện các giao dịch bất thường.

2. Giám sát giao dịch chứng khoán nhiều ngày dựa trên một hoặc các nguồn sau:

a) Cơ sở dữ liệu giao dịch chứng khoán;

b) Các báo cáo, phản ánh thông tin của các CTCK, công ty đại chúng, các tổ chức, cá nhân tham gia thị trường chứng khoán; Thông tin được các nhà đầu tư công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

c) Các nguồn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Các nguồn thông tin khác.

3. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin và giải trình để làm rõ thêm các dấu hiệu giao dịch bất thường.

4. Thực hiện kiểm tra đối với các thành viên giao dịch theo quy định tại Điều 12 Thông tư này. Phối hợp với UBCKNN kiểm tra định kỳ hoặc bất thường đối với các đối tượng giám sát thuộc phạm vi quản lý của SGDCK.

Điều 11. Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ giám sát giao dịch chứng khoán

1. SGDCK có trách nhiệm và chủ động xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát giao dịch chứng khoán. Hệ thống cơ sở dữ liệu tối thiểu phải gồm các nội dung sau:

a) Các dữ liệu về kết quả giao dịch chứng khoán;

b) Danh sách và thông tin về các đối tượng giám sát thuộc phạm vi quản lý vi phạm quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của SGDCK;

c) Các báo cáo và thông tin liên quan đến giao dịch chứng khoán đã công bố qua hệ thống công bố thông tin của SGDCK; Các báo cáo, thông tin đã báo cáo UBCKNN;

d) Dữ liệu liên quan đến tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

2. Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ giám sát giao dịch chứng khoán phải được xây dựng một cách khoa học để có thể khai thác một cách có hiệu quả khi thực hiện công tác giám sát, phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Kiểm tra hoạt động giao dịch chứng khoán

1. Các nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy chế, quy định, quy trình liên quan đến giao dịch, các quy định tại quy chế thành viên do SGDCK ban hành;

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về niêm yết và công bố thông tin của các tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán khi thực hiện giao dịch chứng khoán.

b) Kiểm tra bất thường: kiểm tra tiến hành trên cơ sở dấu hiệu các giao dịch bất thường thông qua việc giám sát giao dịch trong ngày, nhiều ngày theo ủy quyền của UBCKNN.

2. Khi phát hiện các giao dịch bất thường, SGDCK thực hiện kiểm tra theo ủy quyền bằng văn bản của UBCKNN như sau:

a) Yêu cầu thành viên giao dịch, các đối tượng liên quan cung cấp giải trình các thông tin liên quan đến giao dịch đó;

b) Kiểm tra tại trụ sở của thành viên giao dịch, tổ chức liên quan đến giao dịch chứng khoán (khi cần thiết);

c) SGDCK có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới đối tượng kiểm tra theo ủy quyền ít nhất 03 ngày trước khi tiến hành kiểm tra.

3. Khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm đăng ký hoạt động giao dịch chứng khoán của thành viên giao dịch theo quy định của pháp luật, căn cứ vào ủy quyền của UBCKNN, SGDCK phải ra quyết định kiểm tra kèm theo đề cương kiểm tra và phải gửi văn bản về kết quả kiểm tra cho đối tượng bị kiểm tra trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.

4. Căn cứ kết quả kiểm tra theo các quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, SGDCK có trách nhiệm:

a) Xử lý theo quy định tại các quy chế do SGDCK ban hành trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định liên quan đến giao dịch chứng khoán của thành viên giao dịch;

b) Báo cáo UBCKNN về nội dung kiểm tra, kết luận kiểm tra và phương án xử lý trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi ra kết luận kiểm tra và xử lý;

c) Kiến nghị UBCKNN xử lý các hành vi vi phạm đối với thành viên giao dịch trong trường hợp vượt thẩm quyền của SGDCK.

Điều 13. Báo cáo giám sát giao dịch định kỳ

1. SGDCK có trách nhiệm gửi các báo cáo định kỳ cho UBCKNN gồm:

a) Báo cáo giám sát giao dịch tuần gồm Sổ lệnh giao dịch, kết quả khớp lệnh giao dịch trong ngày; các thông tin định kỳ trong ngày giao dịch theo quy định tại Điều 32.2 Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo nội dung quy định tại Mẫu 01 và Mẫu 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư này phải được gửi về UBCKNN trong vòng 02 ngày làm việc đầu tiên của tuần tiếp theo;

b) Báo cáo giám sát giao dịch tháng theo nội dung quy định tại Mẫu 03, Phụ lục I kèm theo Thông tư này phải được gửi về UBCKNN trong vòng 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo;

c) Báo cáo giám sát giao dịch năm theo nội dung quy định tại Mẫu 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này phải được gửi về UBCKNN trong vòng 20 ngày làm việc đầu tiên của năm kế tiếp.

2. Các báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này được lập dưới hình thức văn bản và file dữ liệu điện tử. Riêng báo cáo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này chỉ cần gửi dưới dạng file dữ liệu điện tử. Các báo cáo trên được gửi dưới dạng file dữ liệu điện tử trong trường hợp UBCKNN, SGDCK đều áp dụng chương trình chữ

ký điện tử. SGDCK có trách nhiệm lưu giữ thông tin đã báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Báo cáo giám sát giao dịch bất thường

1. SGDCK có trách nhiệm gửi UBCKNN các báo cáo bất thường:

a) Khi phát hiện các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này;

b) Khi nhận được báo cáo đề nghị công bố thông tin bất thường liên quan đến giao dịch chứng khoán của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán, CTCK, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Báo cáo bất thường gửi cho UBCKNN về các sự kiện nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này dưới hình thức văn bản và file dữ liệu điện tử trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi SGDCK phát hiện sự việc hoặc nhận được các báo cáo đề nghị công bố thông tin bất thường liên quan đến giao dịch chứng khoán.

3. Đối với báo cáo bất thường nêu tại Điểm a Khoản 1 Điều này, SGDCK có trách nhiệm lập báo cáo phân tích riêng từng vụ việc, có ý kiến đánh giá và đề xuất phương án xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý trong trường hợp vượt quá thẩm quyền.

Điều 15. Báo cáo giám sát giao dịch theo yêu cầu

1. SGDCK có trách nhiệm gửi báo cáo khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

2. Báo cáo gửi cho UBCKNN nêu tại Khoản 1 Điều này phải được thể hiện dưới hình thức văn bản và file dữ liệu điện tử theo nội dung và thời hạn UBCKNN yêu cầu.

Chương III
NGHĨA VỤ CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

Điều 16. Nghĩa vụ về cung cấp thông tin và giải trình theo yêu cầu của các tổ chức và cá nhân tham gia giao dịch chứng khoán, cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán

1. Tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch chứng khoán, cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến nội dung giám sát giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK; Giải trình theo yêu cầu của UBCKNN,

SGDCK đối với các sự việc liên quan đến giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong các trường hợp dưới đây:

a) Giao dịch chứng khoán của tổ chức, cá nhân là cổ đông lớn theo quy định tại Điều 29 Luật Chứng khoán và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

b) Giao dịch chứng khoán của tổ chức, cá nhân hoặc người có liên quan có ý định nắm giữ tới hai mươi lăm phần trăm (25%) cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ của một công ty đại chúng, quỹ đóng hoặc đang nắm giữ từ hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ của một công ty đại chúng, quỹ đóng theo quy định tại Điều 32 Luật Chứng khoán, Điều 1 Khoản 11 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và hướng dẫn chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng đóng;

c) Giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán của công ty đại chúng, người được ủy quyền công bố thông tin và những người có liên quan theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

d) Các Ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ mở tài khoản tiền đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin về số dư tài khoản tiền của khách hàng theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Các Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp số liệu liên quan đến hoạt động đầu tư, giao dịch chứng khoán của quỹ đầu tư mà ngân hàng thực hiện giám sát theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán có trách nhiệm hợp tác với UBCKNN, SGDCK, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật khi được yêu cầu.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch chứng khoán, cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán không phối hợp, hợp tác với các cơ quan quy định tại Khoản 2 Điều này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nghĩa vụ của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam

1. TTLKCK có nghĩa vụ lập và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu theo các quy định của pháp luật hiện hành để phục vụ công tác giám sát thị trường chứng khoán.

2. Thực hiện chế độ báo cáo phục vụ công tác giám sát giao dịch chứng khoán trong phạm vi chức năng của mình gửi UBCKNN gồm:

a) Báo cáo định kỳ tháng: Trong vòng 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng TTLKCK có trách nhiệm gửi cho UBCKNN các báo cáo:

- Báo cáo tình hình cấp mã chứng khoán (Biểu 1 Phụ lục II);

- Báo cáo tình hình sửa lỗi/hủy lỗi thanh toán giao dịch (Biểu 2 Phụ lục II);

- Thống kê giao dịch chứng khoán chuyển quyền sở hữu không qua hệ thống giao dịch (cho, tặng, biếu, thừa kế....) (Biểu 3 Phụ lục II);

- Báo cáo về thông tin và danh tính tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mở tại các CTCK (Biểu 4 Phụ lục II);

- Danh sách cổ đông lớn của các công ty đăng ký chứng khoán tại TTLKCK (Biểu 5 Phụ lục II).

Báo cáo tháng theo nội dung quy định tại mẫu Báo cáo định kỳ tháng Phụ lục II kèm theo Thông tư này được lập dưới hình thức văn bản và file dữ liệu điện tử và phải lưu giữ thông tin đã báo cáo theo quy định của pháp luật.

b) Báo cáo theo yêu cầu: TTLKCK có trách nhiệm gửi báo cáo khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN, SGDCK để phục vụ công tác giám sát. Báo cáo theo yêu cầu gửi UBCKNN, SGDCK phải được thể hiện dưới hình thức văn bản và file dữ liệu điện tử theo nội dung và thời hạn UBCKNN, SGDCK yêu cầu;

c) Báo cáo bất thường: TTLKCK có trách nhiệm gửi UBCKNN các báo cáo bất thường khi phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định liên quan đến hoạt động sửa, hủy lỗi sau giao dịch, chuyển quyền sở hữu, tỷ lệ sở hữu chứng khoán đối với nhà đầu tư, cầm cố, thay đổi sở hữu chứng khoán, thực hiện quyền; vi phạm của các thành viên lưu ký chứng khoán, các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ do TTLKCK cung cấp theo quy định của pháp luật.

3. TTLKCK có trách nhiệm lưu giữ thông tin đã báo cáo theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp cần thiết, TTLKCK thực hiện báo cáo định kỳ hoặc bất thường theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Điều 18. Nghĩa vụ của Công ty chứng khoán

1. CTCK có nghĩa vụ:

a) Phối hợp với UBCKNN, SGDCK trong việc thực hiện công tác giám sát giao dịch chứng khoán khi được yêu cầu;

b) Phối hợp với UBCKNN trong việc mời nhà đầu tư đến làm việc với các đoàn kiểm tra của UBCKNN, SGDCK liên quan đến các giao dịch có dấu hiệu bất thường;

c) Trường hợp phát hiện giao dịch vi phạm các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán có trách nhiệm báo cáo UBCKNN;

d) Lập và gửi UBCKNN, SGDCK báo cáo, tài liệu khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN, SGDCK.

2. Các báo cáo, tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thể hiện dưới hình thức văn bản và file dữ liệu điện tử theo nội dung và thời hạn do UBCKNN, SGDCK yêu cầu.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 3 năm 2013 và thay thế Quyết định số 127/2008/QĐ-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán;

2. UBCKNN và SGDCK có trách nhiệm tổ chức bộ máy giám sát giao dịch chứng khoán trong phạm vi quyền hạn, chức năng theo quy định của pháp luật; ban hành các quy định, quy trình để thực hiện công tác giám sát có hiệu quả; chủ động phối hợp, hạn chế chồng chéo giữa các chủ thể giám sát.

3. UBCKNN, SGDCK, TTLKCK, CTCK, các công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này;

4. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục I

BÁO CÁO GIÁM SÁT GIAO DỊCH TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán)

Mẫu 01

BÁO CÁO TUẦN (SỔ LỆNH VÀ KẾT QUẢ GIAO DỊCH)

I. Dữ liệu thông tin thị trường: Thông tin định kỳ trong ngày giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012.

II. Sổ lệnh giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ tại SGDCK TP.HCM

Mã TV	Ngày	Giờ đặt lệnh	Máy trạm nhập lệnh	Lệnh mua/ bán	Số thứ tự lệnh	Chứng khoán	Khối lượng đặt lệnh	Khối lượng chưa khớp	Khối lượng khớp lệnh	Tài khoản đặt lệnh	Giá đặt lệnh	Tình trạng lệnh	Giá trị lệnh	Loại lệnh (Nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Ghi chú:

(1) Mã thành viên: từ 001,..., nnn.
(2) Ngày giao dịch: ngày/tháng/năm
(3) Thời gian nhập lệnh (số thứ nhất và 2 hoặc số thứ nhất: giờ; số thứ 3 và 4: phút; 4 số cuối: giây)
(4) Máy trạm nhập lệnh của thành viên: số cuối: số thứ tự máy trạm; số đầu hoặc 2 số đầu: mã thành viên.
(5) Lệnh mua/bán trong đó S/B: sell/buy hoặc B/M: bán/mua
(6) Số thứ tự lệnh nhập của thành viên: 4 số cuối từ 0001 đến 9999 theo thứ tự thời gian
(7) Mã chứng khoán
(8) Khối lượng đặt: số cổ phiếu
(9) Khối lượng chưa khớp: số cổ phiếu
(10) Khối lượng khớp lệnh: số cổ phiếu
(11) Tài khoản đặt lệnh
(12) Giá đặt lệnh: nghìn đồng/cổ phần
(13) Tình trạng lệnh: (M) Khớp/(O) không khớp/(X) hủy
(14) Giá trị khớp: nghìn đồng
(15) Loại lệnh: lệnh giới hạn/lệnh ATO/lệnh ATC

III. Sổ lệnh giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ tại SGDCK Hà Nội

Ngày GD	Thời gian	Loại lệnh	TT	Số hiệu lệnh	Số hiệu lệnh gốc	CK	M/B	SL	Giá	Số lượng chờ khớp	Giá chờ khớp	SL khớp	SL hủy	SL loại bỏ	Đại diện giao dịch	Mã thành viên	Mã thị trường	Loại hình NĐT	TK NĐT	Lợi suất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

Ghi chú:

(1) Ngày giao dịch: ngày/tháng/năm

(2) Thời gian nhập lệnh (số thứ nhất và 2 hoặc số thứ nhất: giờ; số thứ 3 và 4: phút; 4 số cuối: giây)

(3) Loại lệnh

(4) Tình trạng lệnh

(5)&(6) Số hiệu lệnh và Số hiệu lệnh gốc

(7) Chứng khoán

(8) M/B (mua/bán)

(9) Số lượng đặt lệnh

(10) Giá đặt lệnh

(11) Số lượng chờ khớp

(12) Giá chờ khớp

(13) Số lượng khớp

(14) Số lượng hủy

(15) Số lượng loại bỏ

(16) Đại diện giao dịch

(17) Mã Thành viên

(18) Mã thị trường

(19) Loại hình Nhà đầu tư

(20) Tài khoản Nhà đầu tư

(21) Lợi suất (áp dụng cho Trái phiếu)

IV. Kết quả khớp lệnh giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ tại SGDCK TP.HCM

Số thứ tự	Mã TV người mua	Mã TV người bán	STT nhập lệnh mua	STT nhập lệnh bán	Thời gian khớp lệnh	Ngày giao dịch	Máy trạm nhập lệnh mua	Máy trạm nhập lệnh bán	Loại hình NĐT mua	Loại hình NĐT bán	Mã chứng khoán	Khối lượng khớp	Giá	Tài khoản mua	Tài khoản bán	Giá trị khớp lệnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

Ghi chú:

(1) Số thứ tự (1,..., n) khớp lệnh

(2) Mã Thành viên người mua

(3) Mã Thành viên người bán

(4) Số thứ tự nhập lệnh mua

(5) Số thứ tự nhập lệnh bán

(6) Thời gian khớp lệnh (số thứ nhất và 2 hoặc số thứ nhất: giờ; số thứ 3 và 4: phút; 4 số cuối: giây)

(7) Ngày giao dịch: ngày/tháng/năm

(8) Máy trạm nhập lệnh mua (số đại diện giao dịch): số thứ nhất và 2: mã thành viên; số cuối: số thứ tự máy trạm của thành viên

(9) Máy trạm nhập lệnh bán (số đại diện giao dịch): số thứ nhất và 2: mã thành viên; số cuối: số thứ tự máy trạm của thành viên

(10) Loại hình Nhà đầu tư mua (Tổ chức, Cá nhân, Quỹ...)

(11) Loại hình Nhà đầu tư bán (Tổ chức, Cá nhân, Quỹ...)

(12) Mã chứng khoán

(13) Khối lượng khớp lệnh: cổ phiếu

(14) Giá khớp lệnh

(15) Tài khoản mua

(16) Tài khoản bán

(17) Giá trị khớp lệnh

V. Kết quả khớp lệnh giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ tại SGDCK Hà Nội

Ngày GD	Thời gian	Số phiên	Số hiệu lệnh	SHL liên quan	Số xác nhận lệnh khớp	TV bán	Đại diện giao dịch bán	NĐT bán	Mã CK	Số lượng khớp	Giá khớp	Mã thị trường	Thành viên mua	Đại diện GD mua	NĐT Mua	Hình thức GD	Lợi suất	Hình thức thanh toán	Trong/ sau giờ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

Ghi chú:

(1) Ngày giao dịch: ngày/tháng/năm

(2) Thời gian khớp lệnh (số thứ nhất và 2 hoặc số thứ nhất: giờ; số thứ 3 và 4: phút; 4 số cuối: giây)

(3) Số phiên khớp lệnh

(4) và (5) Số hiệu lệnh và Số hiệu lệnh liên quan

(5) Số xác nhận lệnh khớp

(6) Thành viên bên bán

(7) Đại diện giao dịch bên bán

(8) Tài khoản Nhà đầu tư bán

(9) Mã chứng khoán

(10) Số lượng khớp

(11) Giá khớp

(12) Mã thị trường

(13) Thành viên bên mua

(14) Đại diện giao dịch bên mua

(15) Tài khoản Nhà đầu tư mua

(16) Hình thức giao dịch

(17) Lợi suất (áp dụng cho Trái phiếu)

(18) Hình thức thanh toán

(19) Giao dịch trong giờ hay sau giờ

VI. Kết quả giao dịch thỏa thuận cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/Trái phiếu tại SGDCK TP.HCM

(Giao dịch thỏa thuận Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ, Trái phiếu được lập thành từng bảng riêng)

Ngày giao dịch	Mã TV bán	Mã TV mua	Chứng khoán	Tài khoản bán	Tài khoản mua	Khối lượng đặt bán	Khối lượng đặt mua	Giá khớp	Khối lượng khớp	Giá trị khớp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú:

(1): Ngày giao dịch (ngày/tháng/năm)

(2)&(3): Mã thành viên (mua/bán)

(4): Mã cổ phiếu, chứng chỉ quỹ Trái phiếu

(5)&(6) Tài khoản bán/mua

(7) và (8) KL đặt bán/đặt mua

(9) Giá khớp

(10) Khối lượng khớp

(11) Giá trị khớp

VII. Kết quả giao dịch thỏa thuận cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/Trái phiếu tại SGDCK Hà Nội

(Giao dịch trái phiếu doanh nghiệp được lập thành từng bảng riêng)

Ngày giao dịch	Thời gian	Số hiệu lệnh	SHL liên quan	Loại lệnh	Tình trạng	TV bán	ĐDGD bán	NĐT bán	CK	M/B	Số lượng	Giá	Mã TT	TV Mua	ĐDGD mua	NĐT mua	Hình thức thanh toán	Chu kỳ TT	Lợi suất	Số ĐT	Trong/ sau giờ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)

Ghi chú:

(1): Ngày giao dịch (ngày/tháng/năm)

(2): Thời gian khớp lệnh

(3)&(4): Số hiệu lệnh và Số hiệu lệnh liên quan

(5): Loại lệnh

(6): Tình trạng lệnh

(7)&(15) Thành viên bán/mua

(8)&(16): Đại diện giao dịch bán/mua

(9)&(17): Nhà đầu tư bán/mua

(18): Hình thức thanh toán: Trực tiếp hoặc đa phương

(19): Chu kỳ thanh toán: T+X với X là số ngày sau ngày T giao dịch

(20): Lợi suất (áp dụng cho Trái phiếu)

(10) Mã chứng khoán

(11) Mua/bán

(12) Số lượng cổ phiếu

(13) Giá

(14) Mã thị trường

(21) Số điện thoại (nếu có)

(22) Giao dịch trong/sau giờ

...., ngày... tháng... năm

Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán

Ghi chú: *Các báo cáo này được lập dưới dạng file dữ liệu điện tử định dạng exel hoặc File text chiết xuất từ hệ thống giao dịch; Font chữ: Unicode Times New Roman.*

Mẫu 02
BÁO CÁO TUẦN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../SGDCK	*...., ngày... tháng... năm 201...*

BÁO CÁO GIÁM SÁT TUẦN.../201...

1.Báo cáo tình hình xử lý các dấu hiệu giao dịch bất thường trong tuần.../200...

TT	Mã cảnh báo theo tiêu chí	Dấu hiệu giao dịch bất thường	Mã chứng khoán giao dịch	Ngày giao dịch	Ngày bắt đầu xử lý	Tình trạng xử lý
1	2	3	4	5	6	7

2. Thống kê vi phạm công bố thông tin khi thực hiện giao dịch chứng khoán

TT	Tên tổ chức cá nhân vi phạm	Tài khoản giao dịch	Mã chứng khoán	Hành vi vi phạm về CBTT	Loại hình giao dịch	Số lần vi phạm trong quá khứ	Ngày xử lý	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ghi chú:

- Dấu hiệu giao dịch bất thường: theo Hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch bất thường do Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành.

- Biểu này được lập và báo cáo hàng tuần.

Nơi nhận:	Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán...

Mẫu 03
BÁO CÁO THÁNG/201.....

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../SGDCK	*..., ngày.... tháng.... năm 201...*

BÁO CÁO GIÁM SÁT THÁNG.../201....

I. Về việc tổ chức hoạt động giám sát tại Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Tổ chức và hoạt động của bộ máy giám sát (nếu có thay đổi).

2. Về việc ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình giám sát tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

3. Về việc tổ chức giám sát giao dịch hàng ngày, nhiều ngày.

4. Về việc thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường và báo cáo theo yêu cầu đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

5. Về việc phối hợp với các đơn vị khác trong công tác giám sát.

6. Về việc xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát.

II. Các công việc đang triển khai

Biểu 1. Báo cáo tình hình xử lý các dấu hiệu giao dịch bất thường tháng

TT	Mã cảnh báo theo tiêu chí giám sát	Dấu hiệu giao dịch bất thường	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Mã tài khoản giao dịch	Mã chứng khoán giao dịch	Ngày GD	Dấu hiệu vi phạm	Ngày bắt đầu xử lý	Tình trạng xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Ghi chú: Dấu hiệu giao dịch bất thường: theo Hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch bất thường do SGDCK ban hành.

III. Kết quả hoạt động giám sát tại Sở Giao dịch chứng khoán

1. Về việc thực hiện giao dịch của các thành viên giao dịch

Biểu 1. Hành vi vi phạm về giao dịch chứng khoán

TT	Tổ chức/cá nhân vi phạm về giao dịch chứng khoán	Mã tài khoản giao dịch	Tên CTCK thực hiện GD	Loại hành vi vi phạm	Ngày GD	Mã chứng khoán giao dịch	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8

Biểu 2. Công ty chứng khoán, đại diện giao dịch CTCK vi phạm các quy định về giao dịch chứng khoán

TT	Mã thành viên giao dịch	CTCK/đại diện giao dịch	Mã TK giao dịch	Loại hành vi vi phạm	Ngày giao dịch	Mã chứng khoán giao dịch	Ngày xử lý	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9

2. Về hoạt động giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm

- Về việc phát hiện các giao dịch bất thường (phân loại theo tiêu chí giám sát bất thường do Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành).

- Kết quả kiểm tra về giao dịch chứng khoán do Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện, kết quả xử lý những hành vi vi phạm (theo thẩm quyền).

- Các vụ việc kiến nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử lý vi phạm.

IV. Kiến nghị

1. Về chính sách chế độ

2. Kiến nghị khác (nếu có)

Nơi nhận: Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán

Mẫu 04
BÁO CÁO GIÁM SÁT NĂM 20....

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../SGDCK	*...., ngày... tháng... năm 201...*

BÁO CÁO GIÁM SÁT NĂM 20.....

I. Về việc tổ chức hoạt động giám sát tại Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Tổ chức và hoạt động của bộ máy giám sát

2. Về việc ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình giám sát tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

3. Về việc tổ chức giám sát giao dịch hàng ngày, nhiều ngày.

4. Về việc thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường và báo cáo theo yêu cầu đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

5. Về việc phối hợp với hợp với các đơn vị khác trong công tác giám sát.

6. Về việc xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát.

II. Các công việc đang triển khai

Biểu 1. Báo cáo tình hình xử lý các dấu hiệu giao dịch bất thường

TT	Mã cảnh báo theo tiêu chí giám sát	Dấu hiệu giao dịch bất thường	Tổ chức/ cá nhân thực hiện giao dịch	Mã tài khoản giao dịch	Mã chứng khoán giao dịch	Ngày giao dịch	Dấu hiệu vi phạm	Ngày bắt đầu xử lý	Tình trạng xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Biểu 2. Danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán

TT	Tên tổ chức cá nhân	Mã thành viên giao dịch	Mã tài khoản giao dịch	Tên CTCK	Hành vi vi phạm về GDCK						Vi phạm về công bố thông tin khi thực hiện các giao dịch (cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người liên quan, cổ phiếu quỹ, cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng, giao dịch khác)	Tổng cộng	Ghi chú
					Vi phạm/dấu hiệu vi phạm các quy định về GDCK			Vi phạm/dấu hiệu vi phạm giao dịch bị cấm					
					Giao dịch cùng mua/bán	Hủy/sửa lệnh sai quy định	Khác	Giao dịch nội bộ	Giao dịch thao túng	Giao dịch bị cấm khác			
	I/CTCK				x	x	x		x	x	x		

	II/Đại diện GD/ nhân viên CTCK				x	x	x			x	x		
	III/Tổ chức/cá nhân khác						x	x	x	x	x		

Ghi chú về Biểu số 2:

- Biểu này tổng hợp số lần vi phạm về giao dịch và công bố thông tin của các đối tượng thực hiện giao dịch;

- Loại hành vi vi phạm được thống kê theo quy định hiện hành.

III. Kiến nghị

1. Về chính sách chế độ

2. Kiến nghị khác (nếu có)

Nơi nhận: Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán

Ghi chú

- Hành vi vi phạm về giao dịch chứng khoán *tại các Biểu trong Phụ lục này bao gồm 2 nhóm hành vi: hành vi vi phạm các quy định về giao dịch (cùng mua/bán, giao dịch không dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu chứng khoán, và các vi phạm khác về quy chế giao dịch) và hành vi giao dịch bị cấm (giao dịch nội bộ; giao dịch thao túng và giao dịch bị cấm khác)*

- Kỳ báo cáo tại Phụ lục *này được lập theo tuần, tháng và năm Dương lịch*

- Các báo cáo này được lập dưới dạng file dữ liệu điện tử định dạng exel (đối với dữ liệu báo cáo bằng bảng biểu) hoặc File text chiết xuất từ hệ thống giao dịch; Font chữ: Unicode Times New Roman.

Phụ lục II
MẪU BIỂU BÁO CÁO CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán)

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:..../TTLKCK	*..., ngày... tháng... năm 201...*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

I. Báo cáo định kỳ tháng

Báo cáo hoạt động cấp mã chứng khoán

Biểu 1. Tình hình cấp mã chứng khoán

STT	Ngày cấp mã chứng khoán	Thông tin Tổ chức phát hành			Thông tin mã chứng khoán được VSD cấp		Ghi chú
		Tên Công ty	Vốn Điều lệ, SLCK đăng ký	Địa chỉ	Mã trong nước	Mã ISIN	
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Báo cáo tình hình sửa lỗi, hủy thanh toán giao dịch trong tháng

Biểu 2. Tình hình sửa lỗi, hủy thanh toán giao dịch

STT	Mã thành viên lưu ký	Tên thành viên lưu ký	Loại lệnh	Tài khoản sửa lỗi	Mã chứng khoán	Số lượng	Ngày giao dịch	Ngày sửa lỗi/hủy thanh toán giao dịch	Thành viên lưu ký liên quan	Số lượng chứng khoán hỗ trợ	Lý do sửa/ hủy lỗi
A. Sửa lỗi											
B. Hủy thanh toán											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

3. Thống kê giao dịch chứng khoán chuyển quyền sở hữu không qua hệ thống giao dịch

Biểu 3. Chi tiết tình hình chuyển quyền sở hữu chứng khoán

STT	Bên chuyển nhượng			Bên nhận chuyển nhượng			Thông tin chứng khoán chuyển nhượng quyền sở hữu		Ngày hiệu lực	Loại giao dịch	Ghi chú
	Tên	Số đăng ký sở hữu	Số Tài khoản giao dịch	Tên	Số đăng ký sở hữu	Số Tài khoản giao dịch	Mã chứng khoán	Số lượng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

4. Thông tin và danh tính tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mở tại các CTCK

Biểu 4. Dữ liệu về thông tin và danh tính tài khoản giao dịch chứng khoán của NĐT

Mẫu 1: Thông tin và danh tính của NĐT mở tài khoản

STT	Tên khách hàng	Loại hình	Mã TKGD	Địa chỉ	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Nơi cấp	Ngày mở	Quốc tịch	Ghi chú
1		Tổ chức								
2		Cá nhân							Mỹ	Người Việt Nam

Mẫu 2: Thông tin và danh tính của NĐT đóng tài khoản

STT	Tên khách hàng	Loại hình	Mã TKGD	Địa chỉ	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Nơi cấp	Ngày đóng	Quốc tịch	Ghi chú
1		Tổ chức								
2		Cá nhân							Mỹ	Người Việt Nam

Mẫu 3: Thông tin và danh tính của NĐT thay đổi thông tin

STT	Tên khách hàng	Loại hình	Mã TKGD	Địa chỉ	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Ghi chú
1		Tổ chức							
2		Cá nhân						Mỹ	Người Việt Nam

5. Thông tin về cổ đông lớn của các công ty đăng ký chứng khoán tại TTLKCK

Biểu 5. Báo cáo về cổ đông lớn

STT	Mã CK	Số lượng đăng ký	Thông tin cổ đông				Đầu kỳ		Cuối kỳ		Ghi chú
			Tên cổ đông	Số Đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Số lượng chứng khoán sở hữu	Địa chỉ liên hệ	Tỷ lệ %	Số lượng chứng khoán sở hữu	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

II. Kiến nghị

1. Về chính sách chế độ.

2. Kiến nghị khác (nếu có).

Nơi gửi:

Tổng Giám đốc
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

Ghi chú

- Kỳ báo cáo tại Phụ lục II được lập theo tháng Dương lịch

- Báo cáo được lập dưới hình thức file dữ liệu điện tử có định dạng Ecxel (đối với những dữ liệu báo cáo dưới dạng bảng biểu), font chữ Unicode Times New Roman